

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẾN TRE Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-PT
Ngày: 21-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt
Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Việt Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Hồ Trung H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 105/2023/HS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: Hồ Trung H, sinh năm 1966 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B, ấp B, xã S, T, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: giáo viên; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn B, sinh năm: 1928 (đã chết) và bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1930 (đã chết); vợ: Hồ Thị Q, sinh năm: 1966; con: có 02 người con sinh năm 1994 và năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/7/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- Người bào chữa của bị cáo: Luật sư Nguyễn Hữu D thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu D – Đoàn luật sư tỉnh B. (có mặt)

- Bị hại:

1. Huỳnh Cẩm T, sinh ngày: 10/3/2015, nơi cư trú: Số C, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của Huỳnh Cẩm T:

Anh Huỳnh Văn T1, sinh năm 1978; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1987; (có mặt)

Nơi cư trú: Số C, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Huỳnh Cẩm T: Bà Lê Thị Mỹ H1 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (có mặt)

2. Nguyễn Ngọc L, sinh ngày: 21/6/2015; nơi cư trú: Số A, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của Nguyễn Ngọc L:

Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1994; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Chị Trương Thị K, sinh năm 1994; (có mặt)

Nơi cư trú: Số A, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Nguyễn Ngọc L: Bà Lê Thị Mỹ H1 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (có mặt)

3. Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày: 17/3/2015; nơi cư trú: Số I, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị Thảo M:

Anh Nguyễn Phước T3, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị Lưu Thị Phượng H2, sinh năm 1995; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: Số I, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Nguyễn Thị Thảo M: Bà Đoàn Thị Ngọc D1 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (có mặt)

4. Nguyễn Ngân Q1, sinh ngày: 17/01/2015; nơi cư trú: Số F, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của Nguyễn Ngân Q1:

Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1974; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Chị Trần Thị Kiều H3, sinh năm 1982; (có mặt)

Nơi cư trú: Số F, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Nguyễn Ngân Q1: Bà Đoàn Thị Ngọc D1 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (có mặt)

5. Nguyễn Anh T4, sinh ngày: 09/02/2016; nơi cư trú: Số I, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của Nguyễn Anh T4:

Anh Nguyễn Kim S, sinh năm 1982; (có mặt)

Chị Nguyễn Thị Minh H4, sinh năm 1991; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: Số I, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Nguyễn Anh T4: Bà Đoàn Hồng H5 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (có mặt)

6. Phạm Trần Ngọc H6, sinh ngày: 16/02/2015; nơi cư trú: Số E, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của Phạm Trần Ngọc H6:

Anh Phạm Ngọc T5, sinh năm 1970; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Chị Trần Thị T6, sinh năm 1981; (có mặt)

Nơi cư trú: Số E, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Phạm Trần Ngọc H6: Bà Đoàn Hồng H5 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (có mặt)

7. Nguyễn Thị Thanh V1, sinh ngày: 10/3/2015; nơi cư trú: Số A, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị Thanh V1:

Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1980; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Chị Phạm Thị Kim Q2, sinh năm 1985; (có mặt)

Nơi cư trú: Số A, Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Nguyễn Thị Thanh V1: Bà Hồ Thị Ngọc T7 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

8. Lê Ngọc Huỳnh N, sinh ngày: 04/7/2015; nơi cư trú: Số G, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của Lê Ngọc Huỳnh N:

Anh Lê Tấn Đ1, sinh năm 1978; (có mặt)

Chị Phạm Thị Hương T8, sinh năm 1977; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: Số I, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Lê Ngọc Huỳnh N: Bà Hồ Thị Ngọc T7 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Trung H là giáo viên của Trường Tiểu học S1 có Trụ sở tại Ấp C, xã S, thành phố B; H được Ban Giám hiệu Nhà trường phân công giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất các Khối Lớp 1, L2 2 và Khối Lớp 3. Khoảng tháng 10/2022, trong quá trình giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất cho các em học sinh Khối Lớp 1 và Khối Lớp 2 của Trường Tiểu học S1, H đã lợi dụng việc được giao công tác giảng dạy và lợi dụng sự thiếu hiểu biết của các em học sinh N1 để thực hiện hành vi dâm ô đối với các em:

1. Huỳnh Cẩm T, sinh ngày: 10/3/2015, ĐKTT: Số C, Ấp C, xã S, thành phố B, học sinh Lớp 2/2;

2. Nguyễn Ngọc L, sinh ngày: 21/6/2015, ĐKTT: Số A, Ấp C, xã S, thành phố B, học sinh Lớp 2/2;

3. Nguyễn Anh T4, sinh ngày: 09/02/2016, ĐKTT: Số I, Ấp C, xã S, thành phố B, học sinh Lớp 1/1;

4. Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày: 17/3/2015, ĐKTT: Số I, Ấp A, xã S, thành phố B, học sinh Lớp 2/4;

5. Nguyễn Ngân Q1, sinh ngày: 17/01/2015, ĐKTT: Số F, Ấp C, xã S, thành phố B, học sinh Lớp 2/2;

6. Nguyễn Thị Thanh V1, sinh ngày: 10/3/2015, ĐKTT: Số A, Ấp C, xã S, thành phố B, học sinh Lớp 2/2;

7. Phạm Trần Ngọc H6, sinh ngày: 16/02/2015, ĐKTT: Số E, Ấp A, xã S, thành phố B, học sinh Lớp 2/2

8. Lê Ngọc Huỳnh N, sinh ngày: 04/7/2015, ĐKTT: Số G, Ấp A, xã S, thành phố B, học sinh Lớp 2/2.

Cụ thể: Khi hướng dẫn các em T, L, T4, M, Q1, V1, H6 và N thực hiện động tác nghiêm-nghỉ, động tác giậm chân tại chỗ, động tác quay phải, quay trái, chỉnh đốn hàng ngũ, H đã dùng tay tiếp xúc vào các bộ phận nhạy cảm và bộ phận sinh dục của các em học sinh nữ trên. Sau đó, các em học sinh này về nói lại cho cha mẹ các em biết việc thầy H có hành vi dùng tay sờ vào các bộ phận nhạy cảm và bộ phận sinh dục của các em nên ngày 07/10/2023, cha, mẹ của 08 (tám) em học sinh có đơn tố cáo hành vi của H.

Quá trình điều tra, H thừa nhận có dùng tay tiếp xúc vào các bộ phận nhạy cảm và bộ phận sinh dục của các em học sinh nhưng không thừa nhận đó hành vi đó có tính chất tình dục mà bị cáo cho rằng do bị cáo là giáo viên giảng dạy môn giáo dục thể chất, trong quá trình giảng dạy các em học sinh thực hiện không đúng động tác nên bị cáo có dùng tay điều chỉnh hoặc do các em còn nhỏ khi thực hiện động tác làm mất thăng bằng nên té ngã nên bị cáo dùng tay đỡ các học sinh nên có đụng vào bên ngoài vùng ngực, vùng kín hoặc dùng tay phủ bụi ở mông các em học sinh. Việc đụng chạm như trên là để các em học sinh tập

đúng động tác chứ không có tính chất tình dục. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị hại, lời khai của bị cáo về các tư thế tiếp xúc vào bộ phận nhạy cảm, bộ phận sinh dục của các em học sinh đối chiếu với giáo án giảng dạy của bị cáo cùng các chứng khác thu thập được có đủ căn cứ xác định H đã cố ý dùng tay tiếp xúc vào các bộ phận nhạy cảm và bộ phận sinh dục của các học sinh, khẳng định hành vi của H có tính chất tình dục trong hành vi tiếp xúc với các em học sinh của bị can H là có thật, không phải do vô ý.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, các ông bà:

1. Anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị T2 (đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Cẩm T);

2. Anh Nguyễn Văn L1, chị Trương Thị K (đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Ngọc L);

3. Anh Nguyễn Kim S, chị Nguyễn Thị Minh H4 (đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Anh T4);

4. Anh Nguyễn Phước T3, chị Lưu Thị Phượng H2 (đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Thảo M);

5. Anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị Kiều H3 (đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Ngân Q1);

6. Anh Nguyễn Thanh Đ, chị Phạm Thị Kim Q2, (đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Thanh V1);

7. Anh Phạm Ngọc T5, chị Trần Thị T6 (đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Trần Ngọc H6);

8. Anh Lê Tấn Đ1, chị Phạm Thị Hương T8 (đại diện hợp pháp của bị hại Lê Ngọc Huỳnh N)

Đều từ chối giám định thương tích và giám định Pháp y về tình dục đối với tất cả các bị hại, đồng thời không yêu cầu bị can H bồi thường tiền tổn thất tinh thần hay bất cứ phần trách nhiệm dân sự nào khác.

Tại cáo trạng số 98/CT-VKSTPBT ngày 30/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Hồ Trung H phạm “Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

1. Áp dụng điểm b, c, d khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Trung H 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 146 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo hành nghề giáo viên giảng dạy liên quan đến giáo dục thể chất 03 (ba) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính của bản án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/12/2023, bị cáo Hồ Trung H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại do bị cáo cho rằng bị cáo không có thực hiện hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi như cáo trạng đã truy tố và bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Hồ Trung H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Trung H; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 105/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Tuyên bố bị cáo: Hồ Trung H phạm “Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

1. Áp dụng điểm b, c, d khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Trung H 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 146 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo hành nghề giáo viên giảng dạy liên quan đến giáo dục thể chất 03 (ba) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính của bản án.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến: Bị cáo khẳng định không có thực hiện hành vi đụng, chạm vào vùng kín, vùng ngực, vùng mông của các bị hại. Hồ sơ vụ án không có chứng cứ là hình ảnh hay video ghi lại hành vi phạm tội của bị cáo để chứng minh bị cáo có hành vi này. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của các bị hại là người chưa thành niên để làm căn cứ buộc tội bị cáo là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra lại vụ án.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại thống nhất trình bày: Lời khai của các bị hại là căn cứ chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo

Chị Nguyễn Thị T2 là đại diện hợp pháp của Huỳnh Cẩm T trình bày: Việc cháu T bị xâm hại là có thật, thông qua lời kể của cháu. Khi tắm cho cháu, chị T2 chạm vào vùng kín của cháu thì cháu nói bị đau, chị hỏi nguyên nhân thì cháu nói do bị bị cáo chạm vào làm đau trong giờ học thể dục, ngoài lần này ra thì còn nhiều lần khác nhưng cháu không dám nói với cha mẹ. Ngoài cháu T thì còn nhiều bạn nữ cùng lớp của cháu cũng bị. Để tránh khiếu nại không căn cứ nên chị T2 đã liên hệ các phụ huynh khác để xác nhận đúng là có sự việc rồi mới

trình báo cơ quan chức năng để giải quyết. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo chị yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chị Trương Thị K là đại diện hợp pháp của Nguyễn Ngọc L trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của chị T2 cũng như giữ nguyên lời khai như đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Chị đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chị Trần Thị Kiều H3 là đại diện hợp pháp của Nguyễn Ngân Q1 trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của chị T2 cũng như giữ nguyên lời khai như đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Chị đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Kim S là đại diện hợp pháp của Nguyễn Anh T4 trình bày: Sự việc con anh bị xâm hại là có thật; anh biết sự việc là do cháu T4 nói với anh. Trước đây cháu T4 có kể nhiều lần nhưng anh không tin; nhưng có lần anh đi con thì cháu nói bạn của cháu cũng bị như cháu nên anh hỏi thăm, xác nhận là có sự việc nên anh mới báo với cơ quan chức năng để thông báo sự việc. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chị Trần Thị T6 là đại diện hợp pháp của Phạm Trần Ngọc H6 trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Chị Phạm Thị Kim Q2 là đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị Thanh V1 trình bày: Việc các cháu bị xâm hại, trong đó có cháu V1 con chị đúng như lời trình bày của chị T2 và những lời khai mà chị đã trình bày trong quá trình điều tra và cấp sơ thẩm. Nay đối với kháng cáo của bị cáo, chị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Lê Tấn Đ1 là đại diện hợp pháp của Lê Ngọc Huỳnh N trình bày: Anh thống nhất với trình bày của những người đại diện theo pháp luật của các bị hại và lời khai mà anh đã trình ở cấp sơ thẩm. Nay đối với kháng cáo của bị cáo, đề nghị không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại trình bày: Thống nhất với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo, người đại diện theo pháp luật của các bị hại, người bảo vệ quyền và lợi

ích hợp pháp của các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thừa nhận có dùng tay tiếp xúc vào các bộ phận nhạy cảm, bộ phận sinh dục của các em học sinh. Tuy nhiên, sau khi Hội đồng xét xử dẫn chứng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ là bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối với bị cáo thì bị cáo thừa nhận có thực hiện những hành vi nêu trên. Mặc dù bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi như đã nêu, nhưng bị cáo không thừa nhận hành vi đó có tính chất tình dục mà cho rằng do bị cáo là giáo viên giảng dạy môn giáo dục thể chất, trong quá trình giảng dạy, các em học sinh thực hiện không đúng động tác nên bị cáo có dùng tay điều chỉnh hoặc do các em còn nhỏ khi thực hiện động tác làm mất thăng bằng nên té ngã nên bị cáo dùng tay đỡ các học sinh nên có đụng vào bên ngoài vùng ngực, vùng kín hoặc dùng tay phui bụi ở mông các em học sinh. Việc đụng chạm như trên là để các em học sinh tập đúng động tác chứ không có tính chất tình dục.

[2] Bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo chỉ nhằm mục đích giáo dục, hỗ trợ các em học sinh tập cho đúng chứ không có tính chất tình dục. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị hại, lời khai của bị cáo về các tư thế tiếp xúc vào bộ phận nhạy cảm, bộ phận sinh dục của các em học sinh đối chiếu với giáo án giảng dạy của bị cáo, quy định của Bộ G1 về giảng dạy môn thể dục thể chất cùng các chứng khác thu thập được có đủ căn cứ xác định bị cáo H đã cố ý dùng tay tiếp xúc vào các bộ phận nhạy cảm và bộ phận sinh dục của các học sinh khối lớp 1, lớp 2 là hành vi dâm ô. Đối với bị cáo là người đã thành niên, là thầy giáo nhưng đã thực hiện hành vi như trên đối với 08 em học sinh có độ tuổi từ 7 – 8 tuổi nên đã phạm vào "Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi".

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết và điều khiển hành vi, bị cáo đã lợi dụng việc được giao công tác giảng dạy và lợi dụng sự thiếu hiểu biết của các em học sinh nữ để cố ý nhiều lần thực hiện hành vi dùng tay tiếp xúc vào bộ phận nhạy cảm, bộ phận sinh dục của các em học sinh Nguyễn Ngọc L, Lê Ngọc Huỳnh N, Nguyễn Thị Thanh V1, Huỳnh Cẩm T, Phạm Trần Ngọc H6, Nguyễn Ngân Q1, Nguyễn Anh T4 và Nguyễn Thị Thảo M là học sinh Khối 1 và Khối 2 của Trường Tiểu học S1 do bị cáo phụ trách giảng dạy môn giáo dục thể chất.

Vì vậy, Cáo trạng truy tố và bản án hình sự sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi" theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và quyền được phát triển bình thường về tình dục của người dưới 16 tuổi, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, gây dư luận xấu trong xã hội, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Bị cáo lợi dụng công việc giảng dạy để thực hiện

hành vi phạm tội, gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý của học sinh, đặc biệt là các em còn nhỏ tuổi; làm xấu đi hình ảnh người thầy giáo trong nhận thức của các em học sinh, gây hoang mang cho phụ huynh học sinh.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thấy rằng, tại phiên tòa, bị cáo phủ nhận các lời khai trước đây của bị cáo về việc có tiếp xúc vào vùng kín, bộ phận sinh dục của các bị hại thể hiện bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải về việc làm sai trái của bị cáo nên không xem xét áp dụng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề một thời gian nhất định đối với bị cáo là cần thiết nên áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề một thời gian nhất định đối với bị cáo.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Hồ Trung H tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Hồ Trung H phải nộp án phí hình sự phúc thẩm (Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo: Hồ Trung H; Giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 105/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Tuyên bố bị cáo Hồ Trung H phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

1. Áp dụng điểm b, c, đ khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Trung H 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 146 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo hành nghề giáo viên giảng dạy liên quan đến giáo dục thể chất 03 (ba) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính của bản án.

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo: Hồ Trung Hiền; Giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 105/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Hồ Trung H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân tp.Bến Tre (3b);
- Công an tp.Bến Tre (1b);
- VKSND tp.Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS tp.Bến Tre (1b);
- Bộ phận HS CA tp.Bến Tre (2b);
- UBND xã Sơn Đông, tp.Bến Tre (1b);
- Những người tham gia tố tụng (12b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa GD và NCTN, Vp.TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương